

Số: /PGDDĐT

Cát Hải, ngày tháng 4 năm 2024

V/v nộp hồ sơ đánh giá ngoài mức độ chuyển
đổi số theo Quyết định 4725/QĐ-BGDĐT

Kính gửi: Các trường Tiểu học, TH và THCS, Trung học cơ sở

Căn cứ Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;

Phòng Giáo dục và Đào tạo yêu cầu các trường Tiểu học, TH và THCS, Trung học cơ sở thực hiện một số nội dung cụ thể sau:

1. Các trường xây dựng kế hoạch, tổ chức tự đánh giá mức độ chuyển đổi số của nhà trường theo Quyết định 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo xong trước ngày 25/5/2024.

2. Gửi báo cáo kết quả tự đánh giá mức độ chuyển đổi số của nhà trường theo Quyết định 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên (mẫu gửi kèm).

3. Gửi các hồ sơ liên quan đến kết quả tự đánh giá mức độ chuyển đổi số tại đơn vị gồm:

- Kế hoạch tổ chức đánh giá mức độ chuyển đổi số.
- Biên bản tự đánh giá mức độ chuyển đổi số.
- Quyết định phê duyệt kết quả tự đánh giá mức độ chuyển đổi số.
- Báo cáo kết quả tự đánh giá chuyển đổi số.
- Các thông tin, minh chứng phục vụ việc đánh giá mức độ chuyển đổi số (xếp theo thứ tự tiêu chí).

4. Báo cáo và hồ sơ liên quan việc đánh giá mức độ chuyển đổi số gửi về Phòng Giáo dục và Đào tạo trước ngày 31/5/2024, người nhận đc Đỗ Thanh Tuấn-chuyên viên (bản mềm báo cáo gửi về địa chỉ mail: dotuan7289@gmail.com).

Phòng Giáo dục và Đào tạo thông báo để các đơn vị, cá nhân liên quan biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

**KT.TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**

Trần Việt Bắc

Số: /BC-.....

Cát Hải, ngày tháng năm 2024

BÁO CÁO

Kết quả đánh giá mức độ chuyển đổi số trong nhà trường Năm học 2023-2024

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO VÀ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

II. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI

- Nhóm tiêu chí I: Chuyên đổi số trong dạy, học:
- Nhóm tiêu chí II: Chuyên đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục:

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những kết quả đã đạt được (*theo phụ lục đính kèm*)
2. Ưu điểm
3. Tồn tại, hạn chế
4. Nguyên nhân
5. Bài học kinh nghiệm
4. Kiến nghị, đề xuất

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG
(ký tên, đóng dấu)

KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ BỘ CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SỐ

(Kèm theo Báo cáo /BC-.....)

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm thành	Mức độ	Ghi chú, minh chứng
1.	Chuyển đổi số trong dạy, học	100			
1.1.	Có ban hành kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến (kết hợp với dạy học trực tiếp; ban hành riêng hoặc lồng ghép trong kế hoạch tổ chức dạy học hằng năm)				
1.2.	Có ban hành quy chế tổ chức dạy học trực tuyến				
1.3.	Triển khai phần mềm dạy học trực tuyến: - Có triển khai phần mềm dạy học trực tuyến trực tiếp (ghi tên) - Có triển khai hệ thống quản lý học tập trực tuyến (LMS)/hệ thống quản lý nội dung học tập trực tuyến (LCMS) (cung cấp thông tin: Tên giải pháp, tự xây dựng/thuê/mua). - Hệ thống LMS/LCMS có triển khai các chức năng: (1) Giáo viên giao bài cho học sinh tự học; (2) Giáo viên trả lời (giải đáp) các câu hỏi của học	30			
1.4.	Số lượng học liệu được số hóa (đã được tổ chuyên môn thông qua và được người đứng đầu cơ sở giáo dục phê duyệt).	10			

1.5.	Có tổ chức triển khai thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên phòng máy tính: có phần mềm, máy tính kết nối mạng LAN (cung cấp thông tin: tên giải pháp phần mềm)	20			
	Phần mềm tổ chức thi trên máy tính có kết nối, trao đổi kết quả với hệ thống quản trị nhà trường				
1.6.	Phát triển nguồn nhân lực chuyên đổi số: - Tỷ lệ giáo viên có tài khoản sử dụng trên Hệ thống bồi dưỡng giáo viên trực tuyến để tự bồi dưỡng qua mạng một cách chủ động, thường xuyên theo nhu cầu	20			
	- Tỷ lệ giáo viên có thể khai thác sử dụng được các phần mềm, công cụ nhằm đổi mới phương pháp dạy học				
	- Tỷ lệ giáo viên có thể xây dựng được học liệu số, bài giảng điện tử				
1.7.	Hạ tầng, thiết bị sử dụng chuyên đổi số dạy, học: - Tỷ lệ phòng học có thiết bị trình chiếu, thiết bị phục trợ sử dụng dạy-học và kết nối Internet trên tổng số phòng học	20			
	- Mức độ đáp ứng yêu cầu dạy môn tin học ¹				
	- Có phòng studio (gồm máy tính, thiết bị phục trợ cho việc xây dựng học liệu số, bài giảng điện tử)				
2.	Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục	100			

2.1.	Cơ sở giáo dục thành lập bộ phận chỉ đạo, phụ trách, triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số (thông tin: Họ tên, chức vụ, email, điện thoại)				
2.2.	Có ban hành kế hoạch ứng dụng CNTT, chuyển đổi số				
2.3.	Có triển khai phần mềm quản trị nhà trường (cung cấp thông tin: tên giải pháp, tự xây dựng/mua/thuê): - Có ban hành quy chế sử dụng hệ thống quản trị nhà trường	70			
	- Có triển khai phân hệ quản lý học sinh (quản lý hồ sơ, kết quả học tập)				
	- Có triển khai sổ điểm điện tử, học bạ điện tử				
	- Có triển khai phân hệ quản lý đội ngũ CBVCNV				
	- Có triển khai phân hệ quản lý cơ sở vật chất				
	- Có triển khai phân hệ quản lý thông tin y tế trường học, quản lý thông tin về sức khỏe học sinh				
	- Có triển khai phân hệ quản lý kế toán				
	- Phần mềm kết nối và trao đổi đầy đủ dữ liệu với CSDL ngành (do Bộ quản lý)				

2.4.	<p>Mức độ triển khai dịch vụ trực tuyến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có triển khai ứng dụng kết nối giữa gia đình và nhà trường (thông tin: Qua OTT (Over The Top) hoặc qua ứng dụng web) 	30			
	<ul style="list-style-type: none"> - Có triển khai dịch vụ tuyển sinh đầu cấp trực tuyến: 				
	<ul style="list-style-type: none"> - Có triển khai dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt 				